CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 26

Địa điểm: Khối 5, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

Thăng Bình, tháng năm 2024

CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 26

Địa điểm: Khối 5, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM
KT.CHỦ TỊCH KIÊM GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4001273085 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU QUẢNG NAM
PETROLIMEX QUẢNG NAM

Ngô Ánh Dương

Quảng Nam, Năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	**2**
1.1. Tên chủ cơ sở	2
1.2. Tên cơ sở	2
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	4
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	4
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	5
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	6
1.3.4. Phương thức bảo quản và vận chuyển xăng dầu	6
1.3.5. Tình hình hoạt động cơ sở	6
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, ...nước của cơ sở	7
1.5. Hạng mục xây dựng chủ yếu của cơ sở	8
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP…CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	**9**
2.1. Sự phù hợp của cơ sở…phân vùng môi trường	9
2.2. Sự phù hợp của cơ sở…khả năng chịu tải của môi trường	9
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH…CỦA CƠ SỞ	**11**
3.1. Công trình, biện pháp…thu gom và xử lý nước thải	11
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa nhiễm dầu	11
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải, xử lý nước thải sinh hoạt	14
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	16
3.2.1. Nguồn phát sinh	16
3.2.2. Các biện pháp giảm thiểu… xăng dầu	16
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	17
3.3.1. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt	17
3.3.2. Thiết bị, hệ thống, công trình…thông thường	18
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	19
3.4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại	19
3.4.2. Biện pháp thu gom chất thải nguy hại	19
3.4.3. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại	20
3.5. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	20
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	21
3.6.1. Sự cố tràn dầu	21
3.6.2. Sự cố cháy nổ	23

3.6.3. Sự cố thiên tai, ngập úng 23
3.6.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải 25
3.6.5. Phòng ngừa, ứng phó … vận hành thử nghiệm 25
3.6.6. Phòng ngừa…… mương thoát nước gây ngập úng 26
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ… MÔI TRƯỜNG 27
4.1. Nội dung cấp phép xả nước thải 27
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải 27
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 27
4.1.3. Dòng nước thải 27
4.1.4. Các chất ô nhiễm…nước thải 27
4.1.5. Vị trí xả nước thải…nước thải 28
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 28
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC…CỦA CƠ SỞ 29
5.1. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt 29
5.2. Kết quả quan trắc nước mưa (thải) nhiễm dầu 30
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC….CỦA CƠ SỞ 32
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải 32
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 32
6.1.2. Kế hoạch ……thiết bị xử lý chất thải 32
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật 33
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA…ĐỐI VỚI CƠ SỞ 34
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 35
PHỤ LỤC BÁO CÁO 37

DANH MỤC CÁC HÌNH

Trang

Hình 1.1. Cận cảnh khu vự cơ sở 2
Hình 1.2. Bể chứa chôn ngầm bằng hệ thống nhập kín 4
Hình 1.3. Tổng quan Petrolimex-Cửa hàng 26 4
Hình 1.4. Hệ thống thu gom nước mưa nhiễm dầu 5
Hình 1.5. Quy trình nhập và bán lẻ xăng dầu 5
Hình 3.1. Sơ đồ xử lý nước mưa (nước thải) nhiễm dầu 12
Hình 3.2. Mô hình bể tách dầu 3 ngăn 12
Hình 3.3. Hệ thống ống dẫn nước thải ra nguồn tiếp nhận 14
Hình 3.4. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở 15
Hình 3.5. Các hạng mục công trình BVMT nước thải sinh hoạ 16
Hình 3.6. Thùng nhựa đựng chất thải thông thường tại cơ sở 18
Hình 3.7. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại tại cơ sở 20

DANH MỤC CÁC BẢNG

Trang

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở 7
Bảng 1.2. Danh mục nguyên, nhiên liệu 8
Bảng 1.3. Diện tích phân khu chức năng của cơ sở 9
Bảng 3.1. Thông tin các bể xử lý nước mưa nhiễm dầu 13
Bảng 3.2. Thông tin các bể xử lý nước thải sinh hoạt 15
Bảng 3.3. Hạng mục công trình xử lý chất thải rắn thông thường 17
Bảng 3.4. Khối lượng, chủng loại...thông thường phát sinh 18
Bảng 3.5. Khối lượng, chủng loại…phát sinh thường xuyên 19
Bảng 3.6. Khối lượng, chủng loại...cần phải kiểm soát 19
Bảng 3.7. Hạng mục công trình xử lý chất thải nguy hại 20
Bảng 3.8. Mức độ qui định đối với tiếng ồn và độ rung tại cơ sở 21
Bảng 3.9. Danh mục trang thiết bị PCCC tại cơ sở 24
Bảng 4.1. Chất ô nhiễm và giá trị…chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt 27
Bảng 4.2. Chất ô nhiễm và giá trị…chất ô nhiễm nước thải nhiễm dầu 28
Bảng 5.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc nước thải sinh hoạt 29
Bảng 5.2. Danh mục thông số quan trắc nước thải sinh hoạt 29
Bảng 5.3. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu nước thải sinh hoạt 29
Bảng 5.4. Thống kê vị trí điểm quan trắc nước mưa nhiễm dầu 30
Bảng 5.5. Danh mục thông số quan trắc nước mưa nhiễm dầu 30
Bảng 5.6. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu nước mưa nhiễm dầu 30
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải 31
Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết thời gian … quá trình vận hành thử nghiệm 32

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD_5	:	Nhu cầu oxy sinh học;
GPMT	:	Giấy phép môi trường
BVMT	:	Bảo vệ môi trường;
COD	:	Nhu cầu oxy hoá học;
CTR	:	Chất thải rắn;
CTNH	:	Chất thải nguy hại;
CP	:	Cổ phần;
ĐTM	:	Báo cáo đánh giá tác động môi trường;
GPMT	:	Giấy phép môi trường;
NĐ - CP	:	Nghị định chính phủ;
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy;
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam;
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam;
TT - BTNMT:		Thông tư - Bộ Tài nguyên môi trường;
UBND	:	Ủy ban nhân dân;
WHO	:	Tổ chức Y tế thế giới

PETROLIMEX-CỬA HÀNG 26 (gọi tắt là cơ sở) được đầu tư trên phần diện tích **2.730,7m^2** tại Khối 5, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Công ty TNHH MTV xăng dầu Quảng Nam là chủ đầu tư của Petrolimex-Cửa hàng 26, được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh số 4001273085, cấp lần đầu ngày 22/9/2023.

Petrolimex-Cửa hàng 26 *(trước đây là Cửa hàng xăng dầu Hà Lam thuộc Chi nhánh Công ty xăng dầu Khu vực V-TNHH MTV tại Quảng Nam, hoạt động từ năm 2017 sau đó đổi tên thành Petrolimex-Cửa hàng 86, đến năm 2023 Chi nhánh Công ty xăng dầu Khu vực V-TNHH MTV tại Quảng Nam đổi tên thành Công ty TNHH MTV xăng dầu Quảng Nam và đổi tên Petrolimex-Cửa hàng 86 thành Petrolimex-Cửa hàng 26)*. Với vị trí thuận lợi, hoạt động liên tục, ổn định cùng với đội ngũ nhân viên làm việc chuyên nghiệp, có đào tạo bài bản nên Petrolimex-Cửa hàng 26 có lượng khách hàng ổn định. Hằng tháng, tổng lượng xăng dầu bán ra khoảng **280m^3**, đem lại nguồn lợi nhuận cho Công ty cũng như đóng góp vào sự phát triển chung của huyện Thăng Bình nói riêng và tỉnh Quảng Nam nói chung..

Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, Chủ cơ sở đã kết hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lập báo cáo Đề xuất GPMT cho cơ sở. Báo cáo đề xuất GPMT này là cơ sở pháp lý để Chủ cơ sở thực hiện đúng, đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

Báo cáo GPMT của cơ sở đưa ra chi tiết các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường mà Chủ cơ sở sẽ thực hiện trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng đến môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động của cơ sở.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Dự án thuộc nhóm III là dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường. Nếu áp dụng tiêu chí tổng mức đầu tư theo Luật đầu tư công, Dự án thuộc nhóm C *(có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ, tổng mức đầu tư cơ sở là: **3.590.000.000** đồng)* theo khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

Cơ sở thuộc thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp huyện theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được lập theo hướng dẫn tại Phụ lục XII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV xăng dầu Quảng Nam

- Địa chỉ văn phòng: 104 Trần Quý Cáp, phường Hòa Thuận, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Ngọc Hùng;**

- Chức vụ: **Chủ tịch kiêm Giám đốc;**

- Điện thoại: 02353 812 038;

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh số 4001273085, cấp lần đầu ngày 22/9/2023, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

1.2. Tên cơ sở: Petrolimex-Cửa hàng 26.

- Địa điểm cơ sở: Khối 5, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Vị trí địa lý: Petrolimex-Cửa hàng 26 được xây dựng trên tổng diện tích **2.730,7m^2** tại Khối 5, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Tây giáp: quốc lộ 1A;

- Phía Bắc giáp: đất trống;

- Phía Nam giáp: đường bê tông;

- Phía Đông giáp: đất ruộng;

Hình 1.1. Cận cảnh khu vực cơ sở

- Khu vực cửa hàng có địa hình, địa mạo tương đối bằng phẳng, bề mặt xung quanh khu vực cửa hàng đã được bê tông hóa.

- Cơ quan thẩm định các loại giấy phép có liên quan:

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh số 4001273085, cấp lần

đầu ngày 22/9/2023, được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 861773, với tổng diện tích sử dụng: **2.730,7m^2** tại thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

3. Quyết định số 586/PLX-QĐ-HĐQT về việc tách chuyển Chi nhánh xăng dầu Quảng Nam thành Công ty TNHH MTV xăng dầu Quảng Nam do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ ngày 15/9/2023.

4. Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án đầu tư mở rộng Cửa hàng xăng dầu Hà Lam số 394/GXN-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình ngày 22/5/2017.

5. Quyết định đổi tên Cửa hàng xăng dầu tại Quyết định số 317/PLXQNa-QĐ ngày 25/9/2023 của Công ty TNHH MTV xăng dầu Quảng Nam

6. Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 96/GCNĐĐK-SCT ngày 28/9/2023 của Sở Công Thương cấp.

7. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy chữa cháy số 42.23/TD-PCCC ngày 13/6/2023 của phòng cảnh sát PCCC và CHCN Công an tỉnh Quảng Nam cấp.

8. Biên bản kiểm tra An toàn về phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ được Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Quảng Nam công nhận ngày 12/3/2024.

9. Phương án chữa cháy của cơ sở đã được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Quảng Nam phê duyệt ngày 09/2/2018

10. Giấy phép xây dựng số 30/GPCT do Sở Xây dựng cấp ngày 23/3/2017.

11. Petrolimex-Cửa hàng 26 (trước đây là Petrolimex-Cửa hàng 86) đã được phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại Quyết định số 3921/QĐ-UBND do UBND tỉnh Quảng Nam ngày 31/12/2021.

12. Hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 374/HĐKT/2024-QNA ký ngày 23/5/2024 giữa Công ty TNHH MTV xăng dầu Quảng Nam với Công ty TNHH thương mại và xây dựng An Sinh.

13. Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số 01/HĐKT24 ký ngày 28/12/2023 giữa Công ty TNHH MTV xăng dầu Quảng Nam và Công ty Cổ phần môi trường đô thị Quảng Nam.

14. Hợp đồng Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc số P-24/QNA/NVI/3111/000002 giữa Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Nam với Công ty bảo hiểm PJICO Quảng Nam ký ngày 29/5/2024.

15. Kết quả quan trắc định kỳ tại cơ sở;

16. Bản vẽ của cơ sở;

- Phạm vi cơ sở: Tổng diện tích cơ sở **2.730,7m^2.**

- Quy mô của cơ sở:

+ Công trình cấp III (Cơ sở được đầu tư xây dựng với tổng mức đầu tư là: **3.590.000.000 đồng**).

+ Dự án thuộc nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ), theo khoản 3, Điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Tổng khối tích của các bể là 75m^3.

- Số lượng cột bơm: Được lắp đặt 08 cột bơm đơn và 01 cột bơm đôi gồm 09 vòi bơm với công suất 40 - 70 lít/phút. Trong đó, 05 vòi bơm xăng, 04 vòi bơm dầu Diesel 0,05S-II.

- Số lượng bể: 03 bể mỗi bể 25m^3 chứa xăng và dầu Diesel 0,05S-II

Hình 1.2. Bể chứa chôn ngầm bằng hệ thống nhập kín

Hình 1.3. Tổng quan Petrolimex-Cửa hàng 26

Hình 1.4. Hệ thống thu gom nước mưa nhiễm dầu

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Petrolimex-Cửa hàng 26 được đầu tư xây dựng với mục đích kinh doanh, bán lẻ xăng dầu với với thời gian hoạt động 24/24h để đáp ứng nhu cầu cho người và phương tiện tham gia giao thông. Vào ban đêm cửa hàng bố trí 02 nhân viên trực.

Quy trình nhập và bán lẻ xăng dầu tại cơ sở:

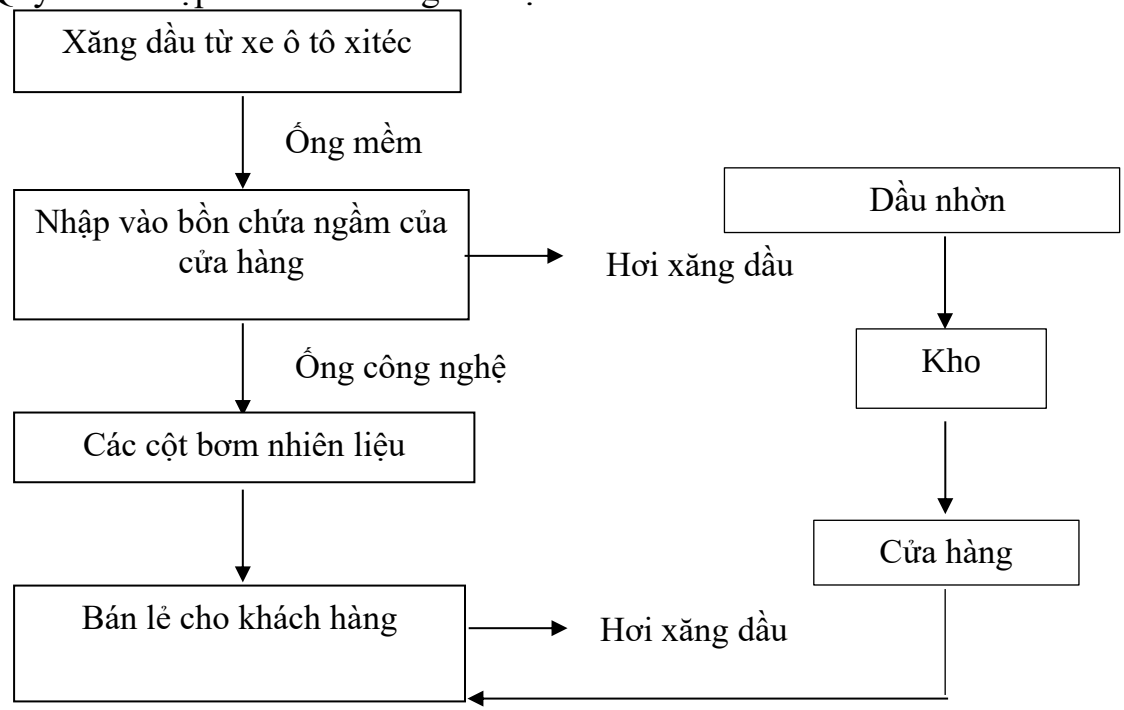

Hình 1.5. Quy trình nhập và bán lẻ xăng dầu

Thuyết minh:

Xăng, dầu từ xe ô tô xitec chuyên dụng vận chuyển về Cửa hàngxăng dầu và được nhập vào bể chứa chôn ngầm bằng hệ thống nhập kín. Hệ thống nhập kín là hệ thống công nghệ bảo đảm quá trình nhập không phát tán hơi xăng dầu tại họng nhập của bể mà chỉ cho hơi xăng dầu thoát ra tại van thở. Xăng dầu từ xe ô tô xitec chảy qua ống mềm liên kết với họng nhập bằng các khớp nối bảo đảm kín tuyệt đối và đi vào bể chứa. Sau đó, xăng dầu từ các bể chứa được xuất bán qua cột bơm điện tử bằng vòi cấp tự ngắt.

Hệ thống ống công nghệ xuất nhập, được thiết kế bằng ống thép chạy trong rãnh công nghệ và được lắp đặt theo đúng qui phạm an toàn. Máy bơm sử dụng là máy bơm ly tâm và có hiển thị bằng số điện tử.

- Số lượng cột bơm: Được lắp đặt 08 cột bơm đơn và 01 cột bơm đôi gồm 09 vòi bơm với công suất 40 - 70 lít/phút. Trong đó, 05 vòi bơm xăng, 04 vòi bơm dầu Diesel 0,05S-II.

Các bể đều được lắp đặt van thở trong có thiết bị ngăn tia lửa, lắp đặt hệ thống tiếp đất phòng chống sét đánh thẳng cho van thở và phòng chống tĩnh điện theo quy định của nhà nước.

Dầu nhờn chứa trong kho khi có khách hàng yêu cầu thì chở đi tiêu thụ.

Hàng ngày cửa hàng kiểm tra khối lượng hàng tồn trong bể: 01 lần/ngày.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm cung ứng của cửa hàng là xăng Ron 95-III, xăng E5 Ron 92 và dầu Diesel 0,05S-II.

1.3.4. Phương thức bảo quản và vận chuyển xăng dầu

Xăng dầu được vận chuyển bằng xe xitec của đơn vị chuyên cung cấp xăng dầu nhập vào các bể của cửa hàng qua ống mềm bằng hình thức nhập kín. Cửa hàng nằm trong khu vực thông thoáng nên thuận lợi cho việc vận chuyển xăng dầu.

Xăng dầu được bảo quản trong các bồn bể ngầm và được dẫn ra hệ thống cấp phát để xuất thông qua hệ thống công nghệ đi ngầm nối với bồn bể.

1.3.5. Tình hình hoạt động của cơ sở

Cửa hàng xăng dầu được xây dựng tại Khối 5, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Với vị trí thông thoáng và thuận lợi về giao thông, nên hoạt động kinh doanh xăng dầu sẽ rất thuận lợi trong thời gian đến. Các thiết bị, máy móc tại cơ sở được trang bị đầy đủ và mới. Bên cạnh đó, Cửa hàng trưởng luôn có mặt và làm việc tại văn phòng nên những vấn đề nhỏ về kỹ thuật thiết bị hay các lỗi có nguy cơ dẫn đến sự cố tràn dầu, cháy nổ được kiểm soát chặt chẽ.

Vì vị trí thuận lợi, cùng với đội ngũ nhân viên làm việc chuyên nghiệp, có đào tạo bài bản nên Petrolimex-Cửa hàng 26 sẽ đem lại doanh thu lớn và đóng góp chung và sự phát triển kinh tế xã hội của huyện Thăng Bình.

Petrolimex-Cửa hàng 26 được đầu tư xây dựng với mục đích kinh doanh, 02 nhân viên (1 ca) bán lẻ xăng dầu với thời gian hoạt động 24/24h để đáp ứng nhu cầu cho người và phương tiện tham gia giao thông. Vào ban đêm Cửa hàng bố trí 01 nhân viên trực

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.

- Nguồn cung cấp nước: Nước phục vụ cho Cửa hàngchủ yếu là nước sử dụng vào mục đích sinh hoạt của CBCNV, khách hàng và nước tưới khu vực Cửa hàng, nước tưới cây. Nhu cầu sử dụng nước khoảng 3m^3/ngày, đêm. Nước sử dụng cho cửa hàng là nước nước ngầm khu vực.

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở

TT	Hạng mục	Nhu cầu sử dụng (m^3/ngày,đêm)	Nguồn cung cấp
1	- Nước dùng cho sinh hoạt CBCNV: 150 lít/người/ngày x 3 người/ca = 0,45 m^3/ngày	0,45	Nước khai thác từ nguồn nước ngầm khu vực
2	- Nước dùng cho khách hàng	0,55	
3	- Nước tưới khu vực cửa hàng	1	
4	- Nưới tưới cây	1	
Tổng cộng		**3**	

- Số lượng lao động tại cơ sở: Cửa hàngxăng dầu bố trí 05 người làm việc tại cơ sở, được chia thành 02 ca, mỗi ca 02 - 03 người thường trực thường xuyên tại cơ sở.

- Hệ thống giao thông: cung cấp nguyên liệu và vận chuyển sản phẩm. Đây là cửa hàng bán lẻ xăng dầu được cung cấp trực tiếp cho các phương tiện đi lại của nhân dân.

Bảng 1.2. Danh mục nguyên, nhiên liệu

TT	Loại năng lượng nhiên liệu sử dụng	Nguồn cung cấp	Số lượng sử dụng
1	Điện (kw/ngày, đêm)	Điện lưới quốc gia	25 kw/ngày,đêm
2	Máy phát điện dự phòng	-	18 kw

1.5. Hạng mục xây dựng chủ yếu của cơ sở

Bảng 1.3. Diện tích phân khu chức năng của cơ sở

TT	Hạng mục	Diện tích (m^2)
1	Mái che cột bơm	242,25
2	Nhà làm việc	77,4
3	Khu phụ trợ	67,94
4	Tường rào bảo vệ + tường ngăn cháy	143,0
5	Bể chứa xăng dầu	50
6	Đường bãi bê tông	1.017,31
7	Khu vực trống trồng cây xanh	-
	Tổng	**1.622,9**

(Phần đất cải tạo xây dựng Cửa hàng xăng dầu: 1.622,9m^2 và đất hành lang bảo vệ an toàn đường Quốc lộ: 1.107,8 m^2).

CHƯƠNG II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở được xây dựng tại Khối 5, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam đáp ứng nhu cầu cho người dân và người tham gia phương tiện tham gia giao thông trên địa bàn cũng như tham gia phương tiện giao thông trên tuyến đường Quốc lộ 1A.

Cơ sở phù hợp với quy hoạch nông thôn mới và ban hành Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch của thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Việc hình thành Petrolimex-Cửa hàng 26 phù hợp với cơ sở quy hoạch mạng lưới xăng dầu tỉnh Quảng Nam tại Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 27/11/2011 về Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành thương mại tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.

- Khả năng chịu tải của môi trường đối với nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt của Petrolimex-Cửa hàng 26 được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (B, K=1,2)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra cống thoát nước của khu vực.

+ Nước thải nhiễm dầu: Toàn bộ nước thải nhiễm dầu của Petrolimex-Cửa hàng 26 được xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT(B), áp dụng đối với cửa hàng xăng dầu không có dịch vụ rửa xe, trước khi thải ra cống thoát nước của khu vực.

- Khả năng chịu tải của môi trường đối bụi và khí thải, tiếng ồn: Quá trình hoạt động của cơ sở có phát sinh Hơi xăng dầu từ quá trình xuất nhập, tại khu vực bể chứa xăng dầu và khu vực bán hàng.

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động kinh doanh xăng dầu; từ máy phát điện dự phòng. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu để hạn chế tác động đến môi trường không khí. Đồng thời, cơ sở nằm tại khu vực thông thoáng, có chất lượng nền không khí tốt nên cơ sở có khả năng chịu tải môi trường.

- Khả năng chịu tải của môi trường đối với chất thải: Hoạt động kinh doanh của Petrolimex-Cửa hàng 26 phát sinh chất thải sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên, khách hàng; phát sinh chất thải nguy hại như: giẻ lau dính dầu mỡ, cặn dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in.

Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom tập trung vào các thùng rác có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom với tần suất 2 lần/tuần, vận

chuyển đi xử lý đúng theo quy định.

Chất thải nguy hại sẽ được thu gom tập trung vào các thùng chất thải nguy hại có nắp đậy và được đánh mã chất thải nguy hại, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý đúng theo quy định với tần suất 1 lần/năm.

Qua những đánh giá trên cho thấy cơ sở phù hợp với quy hoạch và khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận các nguồn chất thải.

CHƯƠNG III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa nhiễm dầu

a. Nguồn phát sinh

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh nền bãi: được thu gom vào mương bê tông cốt thép phía trước cửa hàng có kích thước 48x0,4x0,3(m), trên mương có song sắt chắn rác để tách rác, dẫn về cụm bể xử lý nước thải nhiễm dầu 4 ngăn (có ngăn tách dầu), sau đó theo ống dẫn (Φ=90, d=2,5m) thải ra nguồn tiếp nhận, lưu lượng vệ sinh nền bãi: khoảng 1m^3/ngày,đêm.

- Nước mưa rơi trên khu vực nền bãi có khả năng nhiễm dầu được thu gom vào mương bê tông cốt thép phía trước cửa hàng có kích thước 48x0,4x0,3(m), trên mương có song sắt chắn rác để tách rác, dẫn về cụm bể xử lý nước thải nhiễm dầu 4 ngăn (có ngăn tách dầu), sau đó theo ống dẫn (Φ=90, d=2,5m) thải ra nguồn tiếp nhận, lưu lượng nước mưa nhiễm dầu: 4,87m^3/ngày,đêm.

Nước mưa nhiễm đầu được đưa về xử lý tại bể xử lý nước thải nhiễm dầu ở phía Bắc của cơ sở.

Như vậy, lưu lượng tính toán nước thải nhiễm dầu được của tuyến cống được xác định theo tính theo công thức: Q = 0,278.F. φ. h (m^3/s)

Trong đó:

- Q: Lưu lượng cực đại của nước mưa chảy tràn, (m^3/s);
- F: Diện tích lưu vực mà tuyến cống phục vụ, F=(75+15) = 90m^2 tính theo diện tích khu vực có khả năng nhiễm dầu, khu vực bể chứa xăng dầu và khu vực cột bơm;
- φ: Hệ số chảy tràn, phụ thuộc đặc điểm bề mặt đất, φ = 065 (áp dụng đối với mái nhà, mặt phủ bê tông)
- h: Cường độ mưa trung bình, tại khu vực Quảng Nam 12,5mm/h = 3,47.10^{-6} (m/s)

Q = 0,278 x 90m^2 x 0,65 x 3,47.10^{-6} (m/s) = 0,0000564 (m^3/s) = 0,203 (m^3/h) = 4,87(m^3/ngày,đêm).

Như vậy, tổng lưu lượng thải lớn nhất trong ngày: **4,87m^3/ngày,đêm**. Hiện tại, cơ sở xây dựng 01 cụm bể xử lý nước thải nhiễm dầu 4 ngăn, có ngăn tách dầu với tổng thể tích 5,2m^3 có khả năng chịu tải và xử lý lưu lượng nước thải nhiễm dầu phát sinh lớn nhất trong ngày.

Nguồn tiếp nhận nước thải nhiễm dầu tại cơ sở: Cống thoát nước chung của khu vực.

b. Biện pháp giảm thiểu

*** Các biện pháp giảm thiểu phát sinh nước mưa nhiễm dầu từ nguồn**

- Tính toán sức chứa kho, loại hàng trong các bể hợp lý, hạn chế thay đổi chủng loại hàng chứa trong bể.

- Nhập hàng: cải tiến phương pháp nhập hàng, xây dựng phương pháp đo

tính hàng hóa ngay trên tuyến ống.

- Lắp đặt hệ thống đo tính tự động hóa, thiết bị báo tràn, tự động dừng bơm, khớp nối khô, hạn chế rò rỉ xăng dầu.

- Van chặn: Bảo dưỡng, thay thế các van chặn trong kho thường xuyên, kịp thời. Trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng phải đặt khay hứng xăng dầu rò rỉ theo quy định.

*** Sơ đồ xử lý nước mưa (nước thải) nhiễm dầu**

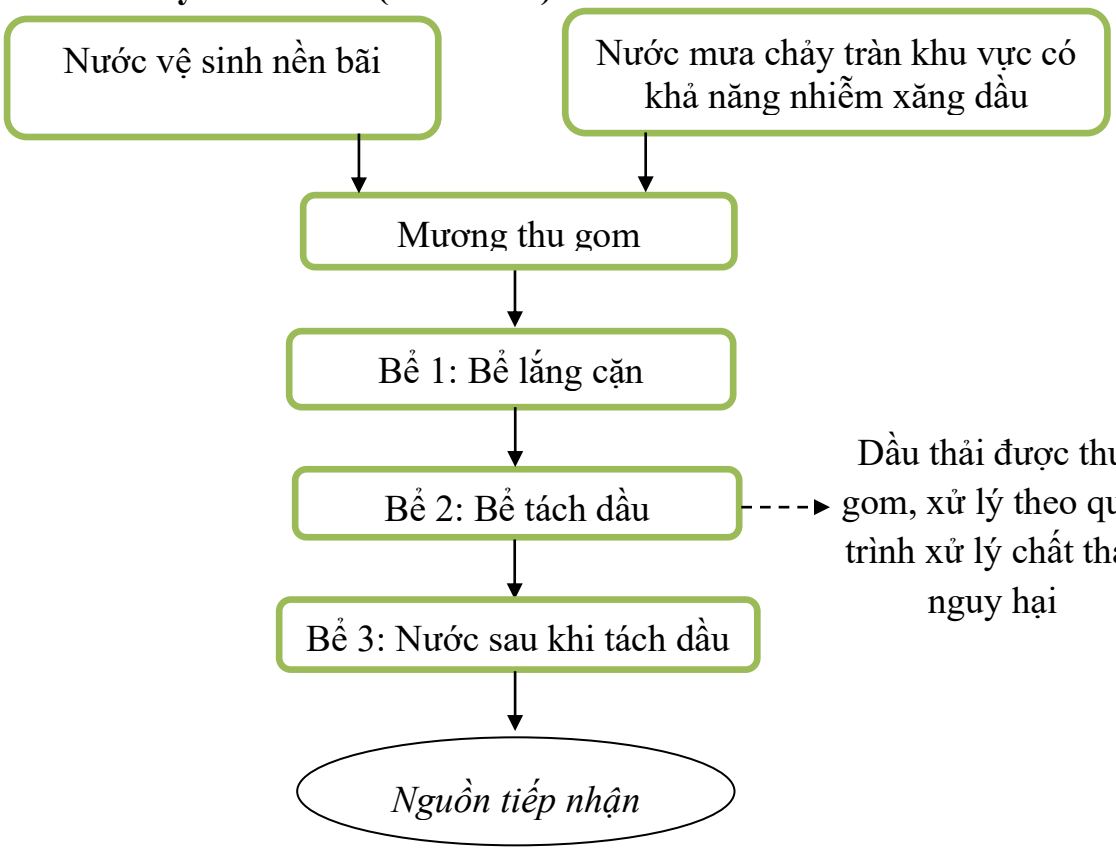

Hình 3.1. Sơ đồ xử lý nước mưa (nước thải) nhiễm dầu

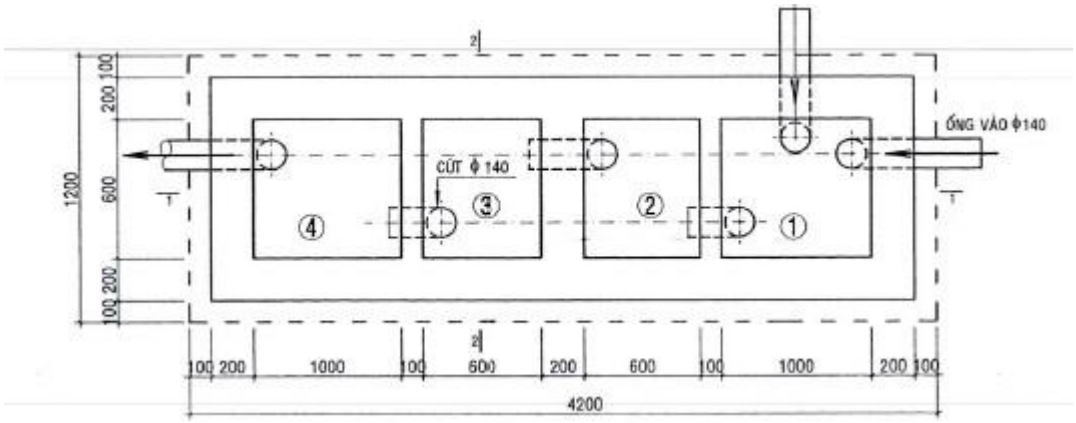

Hình 3.2. Mô hình bể tách dầu 4 ngăn

Thuyết minh: Nước thải nhiễm dầu sau khi qua mương thu gom có song chắn rác được đưa vào cụm bể xử lý nước thải nhiễm dầu 4 ngăn, được thiết kế với tổng thể tích 5,2m^3.

Tại ngăn tách dầu, dựa trên nguyên tắc tuyển trọng lực, dầu thải có tỷ trọng

nhẹ hơn nổi lên trên, chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút dầu thải xử lý theo quy định với tần suất 4 tháng/lần.

Nước thải nhiễm dầu tiếp tục chảy qua bể lắng. Tại đây các chất bẩn: cát, đất có tỷ trọng nặng hơn nước sẽ lắng xuống đáy bể, chủ cơ sở tiến hành thu gom bùn thải bằng phương pháp thủ công và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý bùn thải theo quy định với tần suất 1 năm/lần.

Hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu 4 ngăn được thiết kế xây dựng theo đúng quy định tại điểm c khoản 1 điều 13 QCVN 01:2020 của Bộ Công Thương ngày 30 tháng 6 năm 2020. Bể tách dầu được xây dựng có nắp đậy bằng tấm đan BTCT (tránh tích tụ hơi xăng dầu).

Nước thải nhiễm dầu sau khi qua hệ thống xử lý đạt quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT, cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu trước khi thải ra hệ thống cống thoát nước khu vực.

Bảng 3.1. Thông tin các bể xử lý nước mưa nhiễm dầu

TT	Tên bể	Thời gian lưu	Kích thước bể (LxBxH)	V bể (m^3)	Vật liệu
1	Mương thu gom		48x0,4x0,3(m)	-	BTCT
2	Bể 1 (Bể lắng cặn)	1h	1,2x1,04x1,25 (m)	1,56	BTCT
3	Bể 2 (Bể tách dầu)		0,8x1,04x1,25 (m)	1,04	BTCT
4	Bể 3 (Nước sau khi tách dầu)		0,8x1,04x1,25 (m	1,04	BTCT
5	Bể 4 (Nước sau khi tách dầu)		1,2x1,04x1,25 (m)	1,56	BTCT
Tổng				**5,2**	

- Hóa chất sử dụng: Không có;

- Vật liệu lọc: Cát, sạn được bố trí tại bể 1, bể 3,4.

- Quy trình, chế độ vận hành: Hệ thống hoạt động theo nguyên lý tự nhiên, không cần công nhân vận hành.

- Hiệu quả xử lý nước thải nhiễm dầu của cơ sở được thể hiện qua kết quả quan trắc môi trường định kỳ được thể hiện qua kết quả thử nghiệm do Trung tâm Công nghệ Môi trường tại TP. Đà Nẵng quan trắc năm 2023, 2024.

Kết quả phân tích mẫu nước thải nhiễm dầu sau hệ thống xử lý có các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 29:2010/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

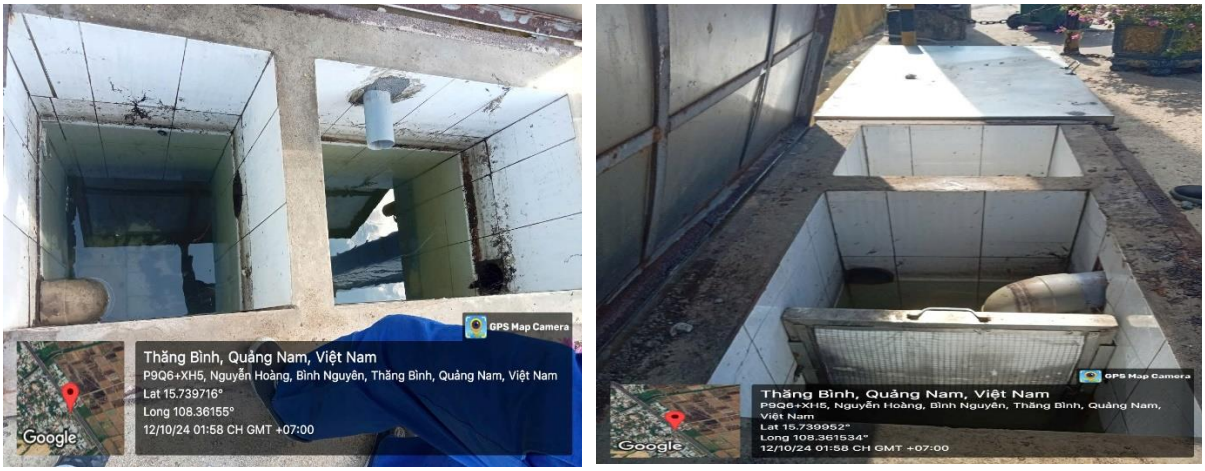

Hình 3.3. Hệ thống ống dẫn nước thải ra nguồn tiếp nhận

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải, xử lý nước thải sinh hoạt

a. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt của nhân viên và khách hàng tại cửa hàng. Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh, khu vực rửa tay chân,… được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại.

- Nước dùng cho sinh hoạt CBCNV: 150 lít/người/ngày x 3 người/ca = 0,45m^3/ngày, đêm và ước tính nước dùng cho khách hàng: 0,55 m^3/ngày,đêm. Tổng lượng nước dùng cho sinh hoạt tại cơ sở: 1m^3/ngày,đêm. Ước tính Q cấp = Q thải = 1m^3/ngày,đêm.

b. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý

Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom vào cụm bể tự hoại 3 ngăn, sau đó theo ống dẫn bằng nhựa uPVC (Ø= 90, d = 5m) vào cụm bể xử lý chung (bể lắng, bể lọc và bể khử trùng) được xây dựng phía bên trong khuôn viên của cơ sở, tại ngăn khử trùng có hoạt động châm chlorin dạng viên, sau đó nước thải tại bể khử trùng theo đường ống (Ø= 90, d = 6m) thoát ra cống thoát nước chung của khu vực thuộc thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

c. Công trình, thiết bị xử lý

- **Số lượng:** 01 cụm bể tự hoại 03 ngăn và 01 cụm bể xử lý chung;

- **Lưu lượng xả thải lớn nhất:** 1m^3/ngày,đêm

- **Vị trí:** cụm bể tự hoại 3 ngăn được đưa về 01 cum bể xử lý chung nằm ngoài nhà làm việc (xử lý qua bể lắng, bể lọc rồi đến bể khử trùng) sau đó theo ống dẫn (Φ=90, d=6m) thoát ra cống thoát nước chung của khu vực.

Bảng 3.2. Thông tin các bể xử lý nước thải sinh hoạt

TT	Tên bể	Kích thước bể (LxBxH)	V bể (m^3)	Thời gian lưu	Vật liệu
1	Ngăn chứa	(1,2x1,9x1)(m)x1bể	2,28	1 ngày	BTCT
2	Ngăn lắng	1x1x1(m) x 1 bể	1	1 ngày	BTCT
3	Ngăn lọc	1x1x1(m) x 1 bể	1	1 ngày	BTCT
4	Bể lắng	1,2x1x1 (m)	1,2	12h	BTCT
5	Bể lọc	1,2x1x1 (m)	1,2	12h	BTCT
6	Bể khử trùng	1,2x1x1 (m)	1,2	-	BTCT
Tổng			7,88	Tổng	7,88

*** Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở**

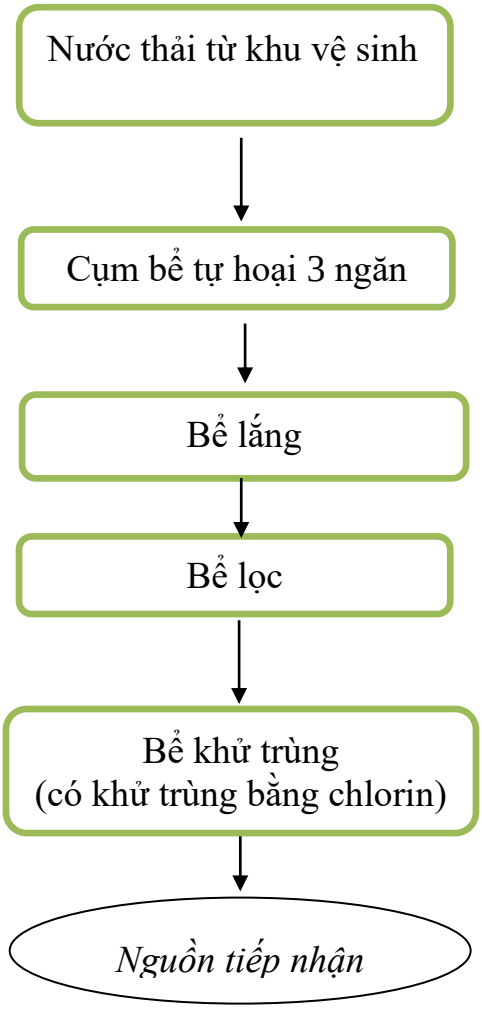

Hình 3.4. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở

Thuyết minh: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó nước thải chảy về bể lắng, qua bể lọc rồi đến bể khử trùng. Hằng ngày, nhân viên sử dụng clorin dạng viên để khử trùng trước khi nước thải thoát ra cống thoát nước chung của khu vực.

- Chất thải từ quá trình xử lý: Sau một thời gian lên men và phân huỷ các chất thải, tại bể tự hoại sẽ tồn đọng một lượng bùn cặn. Chủ cơ sở tiến hành thuê

đơn vị có chức năng hút vét lượng bùn cặn tại bể tự hoại để đưa đi xử lý theo quy định với tần suất 5 năm/lần.

- Nguồn tiếp nhận nước thải sinh hoạt: Cống thoát nước chung khu vực.

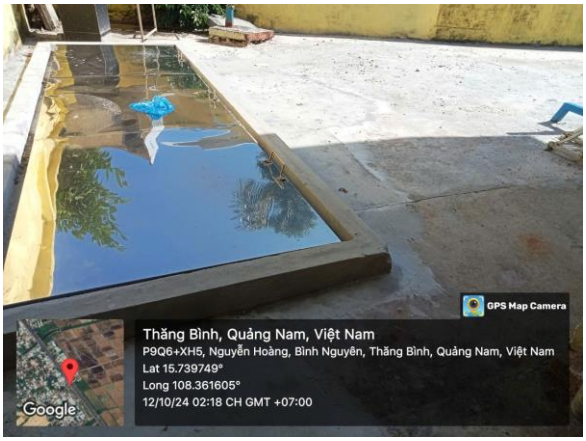

Bể thu gom chung nước thải sinh hoạt

Hệ thống ống nước thải sinh hoạt trong cụm xử lý chung

Hình 3.5. Các hạng mục công trình BVMT nước thải sinh hoạt

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Nguồn phát sinh

- Hơi xăng dầu phát sinh từ quá trình xuất nhập, khu vực bể chứa xăng dầu;

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động kinh doanh xăng dầu;

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng;

3.2.2. Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải và hơi xăng dầu

a. Biện pháp giảm thiểu hơi xăng dầu

- Bồn chứa luôn ở tình trạng kín, các thiết bị ở tình trạng hoạt động tốt; tồn trữ xăng, dầu theo đúng khả năng chứa đầy của bồn.

- Các bồn chứa phải luôn được kiểm soát và chống nóng; áp dụng biện pháp kỹ thuật để kiểm soát, chống nóng cho các bồn chứa.

- Rót nhiên liệu vào bồn và xuất hàng ở chế độ nhúng chìm.

- Kiểm tra định kỳ hệ thống bồn chứa, hệ thống đường ống, các khớp nối, hệ thống các van nhằm kịp thời phát hiện và xử lý kịp thời những khe hở, rò rỉ giảm thiểu lượng nhiên liệu thất thoát và bay hơi.

- Áp dụng hệ thống thu hồi hơi (hệ thống nhập kín). Hệ thống nhập kín xăng dầu ngăn chặn được các nguy cơ mất an toàn trong quá trình nhập hàng và phát tán hơi xăng ra môi trường xung quanh. Thời gian nhập hàng bằng hệ thống này thường nhanh so với phương pháp nhập hở.

b. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động phương tiện giao thông

- Lắp đặt biển chỉ dẫn cho các phương tiện giao thông ra vào cơ sở.

- Phun nước sân bãi nhằm giảm bụi vào những ngày nắng nóng.

- Hằng ngày, bố trí nhân viên quét dọn khuôn viên cơ sở.

c. Biện pháp giảm thiểu khí thải tư máy phát điện dự phòng

- Máy phát điện dự phòng được đặt ở phòng kỹ thuật, xây dựng riêng biệt, máy được đặt trên nền bê thông và lớp đệm chống rung;

- Phân công cán bộ kỹ thuật theo dõi, cập nhật quá trình hoạt động của máy, kiểm soát lượng dầu sử dụng, thực hiện bảo dưỡng máy theo quy định.

- Máy phát điện dự phòng chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện nên không hoạt động thường xuyên. Chủ cơ sở trang bị máy phát điện hiện đại, không cần hệ thống xử lý khí thải, khí thải phát sinh thoát theo ống thoát khí ra môi trường; sử dụng nhiên liệu đảm bảo về chất lượng theo quy định và vận hành đúng kỹ thuật, đảm bảo khí thải phát sinh không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

Thành phần chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở thường là các loại giấy, túi nilong, thức ăn thừa..... Với số lượng nhân viên làm việc tại cơ sở là 05 người lao động và khách hàng, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng: 6 kg/ngày tương đương khoảng 2,19 tấn/năm.

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn theo quy định. (theo Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 được UBND tỉnh Quảng Nam ban hành tại Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022) được lưu giữ vào thùng chứa rác có nắp đậy và được chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và đưa đi xử lý theo đúng quy định với tần suất 2 lần/tuần.

Bảng 3.3. Hạng mục công trình lưu giữ xử lý chất thải rắn thông thường

TT	Hạng mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Thùng nhựa đựng chất thải thông thường, có nắp đậy	Dung tích 240lít, chất liệu HPDE,	Cái	02

Hình 3.6. Thùng nhựa đựng chất thải thông thường tại cơ sở

3.3.2 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường tại cơ sở chủ yếu gồm: Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và Bùn nạo vét phát sinh từ mương thu gom nước mưa, nước mưa nhiễm dầu, Khối lượng phát sinh khoảng 25kg/năm.

Bảng 3.4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải dự kiến phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	15
2	Bùn nạo vét dự kiến phát sinh từ mương thu gom nước mưa, nước mưa nhiễm dầu	10
Tổng khối lượng		**25**

Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường thì cơ sở không thực hiện lưu giữ. Khi phát sinh khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường, thì công ty định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại

- Thành phần chất thải nguy hại tại cơ sở chủ yêu gồm: Bao bì cứng thải bằng nhựa, Bóng đèn huỳnh quang, Bùn thải từ thiết bị tách dầu/nước, Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu khoáng: **4 kg/năm**.

Bảng 3.5. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	1,5
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	0,5
3	Bùn thải từ thiết bị tách dầu/nước	Bùn	17 05 02	2
4	Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu	Lỏng	17 05 05	0
Tổng khối lượng				**4**

- Chất thải rắn công nghiệp cần phải kiểm soát chủ yếu gồm Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp cần phải kiểm soát phát sinh khoảng **3,5kg/năm**, cụ thể được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3.6. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp cần phải kiểm soát

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	3,5
Tổng khối lượng				**3,5**

3.4.2. Biện pháp thu gom chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát sẽ được thu gom tập trung vào các thùng rác có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý đúng theo quy định với tần suất 1 lần/năm.

Bảng 3.7. Hạng mục công trình xử lý chất thải nguy hại

TT	Hạng mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Thùng nhựa chất thải nguy hại, có nắp đậy, có dán nhãn	Dung tích 60 lít, chất liệu HPDE	Cái	06

3.4.3. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 4,0m^2.

- Vị trí: Bố trí trong kho lưu giữ chất thải nguy hại tại cơ sở.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: nền bê tông chống thấm, có gờ cao chống tràn đổ chất lỏng ra môi trường, có mái tôn che nắng, mưa, cửa bằng nhôm, có dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ dụng cụ ứng phó sự cố rò rỉ, thiết bị phòng cháy chữa cháy đúng quy định.

Đồng thời, chủ cơ sở cam kết thực hiện theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn.

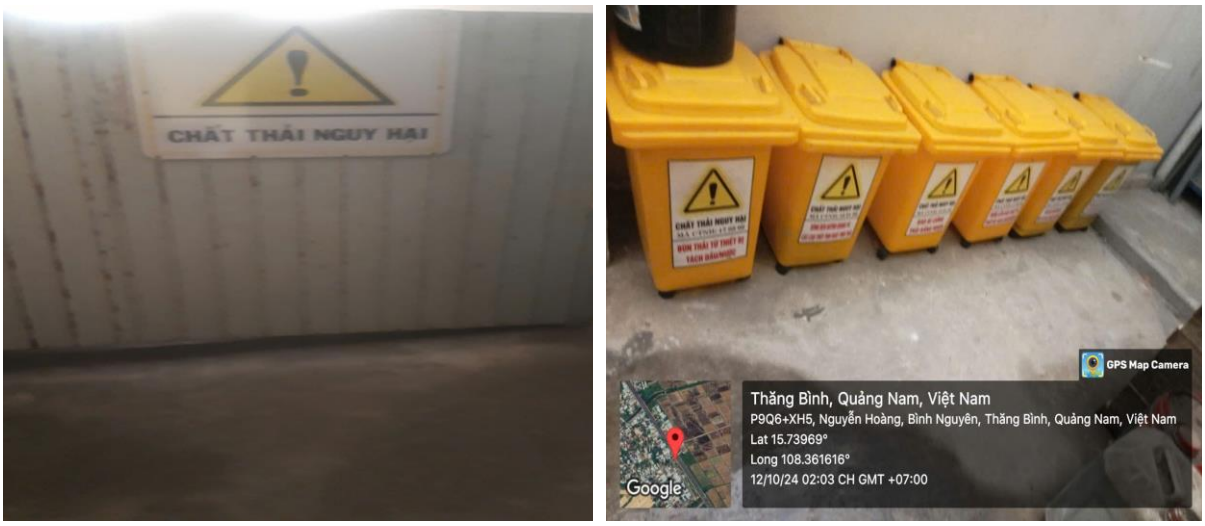

Hình 3.7. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại tại cơ sở

3.5. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ trạm bơm xăng dầu, các phương tiện giao thông cần có biện pháp giảm thiểu như sau:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

** Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu:*

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 3.8. Mức độ qui định đối với tiếng ồn và độ rung tại cơ sở

TT	Thời gian quy định	QCVN 26:2010/BTNMT(dBA)	QCVN 27:2010/BTNMT (dB)
1	Từ 6 giờ đến 21	70	70
2	Từ 6 giờ đến 21	55	60

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Sự cố tràn dầu

Sự cố tràn dầu tại cơ sở được Chủ cơ sở thực hiện theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu Petrolimex-Cửa hàng 26 của Công ty TNHH MTV xăng dầu Quảng Nam.

Sự cố tràn dầu xảy ra do vỡ đường ống: vỡ đường ống mềm dẫn

a) Tình huống sự cố: Trong khi đang nhập dầu Diesel 0,05S-II từ xe ô tô xitec vào bể chứa của Cửa hàngxăng dầu thì xảy ra sự cố tràn dầu do vỡ đường ống mềm dẫn đến dầu tràn ra môi trường. Lượng dầu Diesel 0,05S-II tràn ra ngoài khoảng 300 lít loang rộng trên bề mặt khu vực bãi nhập và có xu hướng chảy về mương thu gom nước của Cửa hàng. Sự cố tràn dầu xảy ra mức độ nhỏ, nhân viên Cửa hàng xăng dầu có thể tự khắc phục sự cố. Thời gian triển khai và xử lý sự cố trong vòng 1 giờ.

Số lượng, chủng loại của các phương tiện, trang thiết bị ƯPSCTD cần huy động tham gia ứng phó: Phao quây thấm dầu (Đường kính 10cm x Dài 3m); Bột thấm hút xăng dầu 1 bao 10kg; tấm thấm dầu 10 tấm 40x50cm; bàn chải;...Vị trí tập kết và triển khai phương tiện, trang thiết bị ƯPSCTD tại ngay vị trí nhập hàng của khu bồn bể. Sự cố xử lý trong thời gian ngắn nên mức độ ảnh hưởng thấp đến môi trường xung quanh.

b) Thời điểm xảy ra sự cố: vào lúc 7h20 sáng, vào mùa hè;

Điều kiện thời tiết: Trời nắng nhẹ, tốc độ gió 2m/s, hướng gió Đông Bắc.

Với thời tiết như dự báo, ở điều kiện bình thường thì các thành phần của dầu có nhiệt độ sôi thấp hơn 200^{o}C sẽ bay hơi trong vòng 24 giờ. Các sản phẩm nhẹ như dầu hoả gasoil có thể bay hơi hết trong vài giờ. Các loại dầu thô nhẹ bay hơi khoảng 40%. Tốc độ bay hơi giảm dầu theo thời gian làm giảm khối lượng dầu giảm khả năng bốc cháy và tính độc hại đồng thời quá trình bay hơi cũng tăng độ nhớt và tỉ trọng của phần dầu còn lại làm cho tốc độ lan toả giảm. Với lượng dầu tràn như dự kiến thì dầu tràn chỉ tác động tại khu vực nhập dầu gần khu bồn bể không lan truyền ra các khu vực xung quanh.

c) Phương án triển khai ứng phó:

Người phát hiện sự cố hô hoán để báo động tới những người xung quanh về sự cố trên.

Sau khi ghi nhận thông tin và xác minh tính xác thực của sự cố, Đội trưởng Đội ƯPSCTD cửa hàng xăng dầu nhanh chóng thông báo:

- Thành viên Đội ƯPSCTD của Cửa hàng xăng dầu khẩn trương chuyển thiết bị PCCC và ƯPSCTD đến khu vực nhập xăng dầu và triển khai các hoạt động ứng phó sự cố.

- Đội trưởng nhanh chóng huy động phương tiện, trang thiết bị ứng phó và có mặt để hỗ trợ công tác ứng phó dầu tràn. Nội dung thông báo gồm: thời gian, địa điểm, loại sự cố, mức độ sự cố...

Đồng thời, Chỉ huy hiện trường sẵn sàng thông báo đề nghị sự hỗ trợ của lực lượng chính quyền địa phương nếu như SCTD vượt quá tầm kiểm soát của cơ sở như:

- Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh Quảng Nam qua số 0235.3852.576 để hỗ trợ triển khai công tác phòng chống cháy nổ tại khu vực.

- Công an huyện Thăng Bình, Công an thị trấn Hà Lam hỗ trợ công tác đảm bảo an toàn, an ninh tại khu vực.

- UBND huyện Thăng Bình, UBND thị trấn Hà Lam hỗ trợ thông báo cho người dân xung quanh khu vực Cửa hàngxăng dầu sẽ ngắt các thiết bị điện, không sử dụng các nguồn nhiệt, nguồn lửa đề phòng cháy nổ.

Sau khi nhận thông tin sự cố, Đội UPSCTD của Công ty sẵn sàng thông báo, huy động lực lượng ứng phó bên ngoài nếu SCTD vượt quá tầm kiểm soát:

- Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN tỉnh Quảng Nam, Sở TN&MT, BCH Quân sự tỉnh, Trung tâm ƯPSCTD khu vực Miền Trung về công tác ứng phó và đề nghị nguồn lực nếu cần để tăng cường hiệu quả cho công tác ƯPSCTD.

Đội ƯPSCTD nhanh chóng trang bị đồ bảo hộ chống nhiễm dầu, có mặt tại hiện trường phân chia nhiệm vụ, công tác (ứng phó khẩn cấp; y tế, hậu cần; PCCC; bảo vệ hiện trường) như đã phân công ở trên và thực hiện các công tác ứng phó dưới sự chỉ đạo của chỉ huy hiện trường, cụ thể:

- Công tác ứng phó khẩn cấp:

+ Ngắt toàn bộ hệ thống điện của cửa hàng và cấm các hoạt động gây ra tia lửa và tỏa nhiệt đề phòng cháy nổ.

+ 01 nhân viên bơm xăng nhanh chóng dừng bơm, nhanh chóng vận chuyển bình bọt MFZT35, bình MFZ8 đến vị trí xảy ra sự cố để phòng ngừa sự cố cháy nổ.

+ Phối hợp với nhân viên trực giao nhận hàng, lái xe ô tô xitec nhanh chóng dừng nhập hàng, đóng van nhập của xe xitec và bồn để khống chế nguồn dầu tràn.

- Công tác y tế, hậu cần chuyển các vật tư ý tế đến hiện trường để sơ cứu tại chỗ hoặc điện thoại xe cấp cứu qua số 115 đưa người bị thương đi sơ cứu/cấp cứu (nếu có) và chuẩn bị lương thực, nước uống cho lực lượng tham gia ứng phó tại hiện trường.

- Công tác thu gom dầu tràn triển khai các hoạt động:

+ Lực lượng tại Cửa hàng xăng dầu di chuyển bộ ứng phó khẩn cấp đến hiện trường tiến hành:

- Kết nối các đoạn phao quây thấm dầu, triển khai phao quây thấm dầu theo hướng vết dầu loang và sử dụng cát vàng rải vòng ngoài để cô lập vị trí dầu tràn;
- Sử dụng tấm thấm và bột thấm dầu để thấm hút lượng dầu tràn trên mặt nền khu vực nhập dầu;
- Thu gom các tấm thấm dầu đã hết khả năng thấm hút đựng trong bao chứa chất thải nguy hại, thắt chặt nút dây buộc để hơi dầu không thoát ra ngoài.

+ Sau khi có mặt tại hiện trường, lực lượng của các Cửa hàng xăng dầu của các cửa hàng xăng dầu lân cận báo cáo Chỉ huy hiện trường và phối hợp với lực lượng ứng phó sự cố tràn dầu của Cửa hàng xăng dầu sử dụng tấm thấm và bột thấm dầu để làm sạch mặt nền.

- Triển khai phao quây thấm dầu trong mương thu gom nước thải của Cửa hàng xăng.
- Chuyển dầu thu hồi và bao đựng chất thải nguy hại về khu vực lưu, chứa chất thải nguy hại của Cửa hàngxăng dầu và yêu cầu Công ty ký hợp đồng thu gom chất thải nguy hại thu gom và vận chuyển đi xử lý đúng nơi quy định.
- Thu gom các tấm thấm dầu, phao quây dầu đã hết khả năng thấm hút đựng trong bao chứa chất thải nguy hại, thắt chặt nút dây buộc để hơi dầu không thoát ra ngoài.

+ Để xử lý lượng dầu tràn ra trong bể tách dầu mỡ: Thuê bơm hút dầu để hút toàn bộ lượng dầu trong bể tách dầu mỡ sang bể hoặc thùng chứa.

+ Đất, cát nhiễm dầu trong mương thu gom nước thải và bể tách dầu mỡ được xử lý bằng bột thấm hút xăng dầu.

- Vị trí tập kết chất thải nhiễm dầu: Khu vực thu gom chất thải nguy hại nằm trong khuôn viên Cửa hàngxăng dầu (bố trí đặt gần thiết bị PCCC của Cửa hàngxăng dầu), các chất thải được tập kết tại khu vực này và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý..

- Sau khi kết thúc quá trình ứng phó sự cố tràn dầu, Công ty sẽ lập báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh. Phối hợp tiến hành đánh giá môi trường và lập báo cáo môi trường gửi các cơ quan quản lý theo quy định của pháp luật.

3.6.2. Sự cố cháy, nổ

Phương án PCCC và CNCH tại cơ sở đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Quảng Nam phê duyệt ngày 09/2/2018. (kèm theo phần phụ lục của báo cáo). Chủ cơ sở cam kết thực hiện theo phương án PCCC và CNCH đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

a. Những nguyên nhân gây cháy nổ trong quá trình xuất nhập xăng dầu: Trong quá trình xuất nhập xăng dầu thì hơi xăng thoát ra từ nắp xe xitec, van thông hơi, các đầu nối của ống xả,… đạt một hàm lượng rất lớn, luôn có khả năng hình thành nồng độ nguy hiểm cháy, nổ.

Trong khu vực xuất nhập xăng dầu luôn có khả năng tạo thành các nguồn gây cháy:

+ Nguồn lửa trần: hút thuốc, hàn xi, dùng đèn soi…

+ Nguồn nhiệt gây cháy từ các thiết bị.

+ Nguồn nhiệt do tia lửa của tĩnh điện, cảm ứng điện từ phát ra do quá trình xuất nhập mà không có biện pháp an toàn.

+ Nguồn nhiệt hình thành do các sunfua sắt tự cháy.

b. Tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ

b1. Tổ chức lực lượng

- Đã thành lập đội PCCC cơ sở tại cơ sở.

- Số lượng đội viên đội PCCC cơ sở gồm 05 người, đã được cấp chứng nhận huấn luyện về PCCC.

- Họ và tên chỉ huy đội PCCC cơ sở: Ông **Đỗ Văn Sanh**.

- Số điện thoại: **0982 803 643**

b2. Tổ chức thường trực chữa cháy

- Số người thường trực trong giờ làm việc: 03 người;

- Số người thường trực ngoài giờ làm việc: 02 người;

b3. Phương tiện chữa cháy của cơ sở

Bảng 3.9. Danh mục trang thiết bị PCCC tại cơ sở

STT	Chủng loại phương tiện chữa cháy	Đơn vị tính	Số lượng	Vị trí bố trí
1	Bình bột chữa cháy loại MFZT35 (loại 35 kg)	Bình	02	Khu vực bán hàng Khu bể chứa
2	Bình bột chữa cháy loại MF8	Bình	15	Khu vực bán hàng Khu bể chứa
3	Bình chữa cháy MT5	Bình	07	
4	Chăn chữa cháy, Xẻng, Xô	Chiếc	10	Khu vực bán hàng
5	Nội quy, tiêu lệnh PCCC	Bộ	02	Khu vực bán hàng nhà làm việc
6	Cát	Phuy	01	Khu vực bán hàng
7	Quần áo chữa cháy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang	Bộ	03	Khu vực nhà bán hàng
8	Dụng cụ CNCH (xà beng,	Bộ	01	Khu vực nhà bán hàng

	kìm cộng lực, búa,…)			

3.6.3. Sự cố thiên tai, ngập úng

Khu vực cơ sở có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai và ngập úng vào mùa mưa trong năm. Vì vậy, chủ cơ sở thường xuyên áp dụng các biện pháp cụ thể như sau:

- Chủ cơ sở thường xuyên kiểm tra, cập nhật phương án đảm bảo an toàn, chống tràn khi bị ngập nước tại các bồn chứa xăng dầu.

- Thường xuyên theo dõi tình hình diễn biến của thời tiết, đặc biệt trong mùa mưa bão để chủ động các biện pháp phòng, chống hiệu quả giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng phó về những nguy cơ, sự cố do thiên tai gây ra.

- Chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực, tổ chức ứng trực để kịp thời ứng phó với mọi tình huống do thiên tai gây ra và sẵn sàng hỗ trợ các đơn vị khi có yêu cầu;

- Chủ cơ sở cam kết thường xuyên liên hệ với Ban chỉ huy phòng chống lụt bão tại địa phương để kịp thời ứng phó và thông báo ngừng ngay hoạt động kinh doanh của Công ty để đảm bảo an toàn.

3.6.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Định kỳ kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải, xem hệ thống có gặp sự cố cần khắc phục nào không để kịp thời phát hiện và nhanh chóng xử lý các sự cố hư hỏng đường ống, rò rỉ nước thải ra khu vực xung quanh.

- Khi có sự cố hư hỏng xảy ra sẽ tiến hành khắc phục, sửa chữa ngay nhằm đảm bảo xử lý nước thải đạt yêu cầu trước khi thải ra bên ngoài.

- Trường hợp sự cố xảy ra ngoài tầm kiểm soát của cơ sở và gây ảnh hưởng đến môi trường. Cơ sở sẽ tạm ngừng hoạt động, đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng kịp thời có những biện pháp ứng phó, khắc phục phù hợp nhằm hạn chế tối đa các tác động xấu do sự cố gây ra.

3.6.5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình vận hành thử nghiệm

- Khi vận hành hệ thống xử lý nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm, có thể xảy ra sự cố và vấn đề thường gặp:

+ Tắc nghẽn ống cống: Các đường ống cống trong hệ thống có thể bị tắc nghẽn bởi chất thải, chất cặn,...

+ Thời tiết cực đoan, lũ lụt và tình trạng nước thải đầu vào không ổn định ảnh hưởng đến hệ thống xử lý.

- Để xử lý các sự cố này một cách hiệu quả, chủ cơ sở cam kết:

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống và bảo trì định kỳ.

+ Có sổ theo dõi vận hành thử nghiệm, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

+ Kiểm soát chất thải tại nguồn để giảm lượng chất thải có thể vào hệ thống

giúp tránh quá tải hệ thống.

+ Theo dõi thời tiết, lũ lụt và sự thay đổi trong nguồn nước thải đầu vào để dự đoán và ứng phó với các tình huống có thể xảy ra.

3.6.6. Phòng ngừa, ứng phó sự cố tắc nghẽn đường ống, mương thoát nước gây ngập úng

- Đường ống thoát nước được chủ cơ sở kiểm tra thường xuyên và vệ sinh định kỳ.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông mương thu gom không để chất thải, bùn đáy tồn đọng gây tắc nghẽn, ứ đọng.

CHƯƠNG IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung cấp phép xả nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh, lavabo, nhà tắm của Cơ sở.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ nước vệ sinh nền bãi, nước mưa chảy tràn khu vực có khả năng nhiễm xăng dầu.

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 4,87 m^3/ngày,đêm

- Nước thải sinh hoạt: 1 m^3/ngày đêm
- Nước thải sản xuất: 4,87m^3/ngày đêm

4.1.3. Dòng nước thải:

Cơ sở có 02 dòng nước thải đổ vào nguồn tiếp nhận tại cống thoát nước chung của khu vực tại khối 5, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

- Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (K = 1,2), cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD_5 (20^0C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
6	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
7	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
8	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4,8		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000		

- Chất lượng nước thải sản xuất trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo

đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B, cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm nước thải nhiễm dầu

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
3	Nhu cầu oxy hóa học	mg/l	150		
4	Dầu mỡ khoáng (Tổng hydrocarbon)	mg/l	30		

4.1.5. Vị trí xả nước thải, phương thức xả thải, nguồn tiếp nhận nước thải

4.1.5.1. Vị trí xả nước thải

- Tại Khối 5, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.
- Tọa độ vị trí xả thải nguồn nước thải số 01 theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục $107^0 45'$, múi chiếu 3^0: X (m): 1740873 Y (m): 565337). .
- Tọa độ vị trí xả thải nguồn nước thải số 02 theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục $107^0 45'$, múi chiếu 3^0: X (m): 1740871 Y (m): 565341). .

4.1.5.2. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt Quy chuẩn tự chảy theo đường ống uPVC D90, dài 6m đổ ra cống thoát nước chung khu vực thuộc địa phận thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.
- Nước thải sản xuất sau khi xử lý đạt Quy chuẩn tự chảy theo đường ống uPVC D90, dài 2,5m đổ ra cống thoát nước chung khu vực thuộc địa phận thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

4.1.5.3. Chế độ xả nước thải: liên tục trong ngày; thời gian xả liên tục trong năm

4.1.5.4. Nguồn tiếp nhận nước thải

Cống thoát nước chung khu vực thuộc địa phận thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Cơ sở không có công trình thu gom xử lý khí thải mà chủ yếu áp dụng các biện pháp giảm thiểu sự phát tán không khí trong quá trình hoạt động, không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc nước mưa (thải) nhiễm dầu

- Thời gian quan trắc:

+ Ngày lấy mẫu: 11/6/2024

+ Ngày trả kết quả: 25/6/2024

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 5.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc nước mưa nhiễm dầu

TT	Tên điểm quan trắc	Kí hiệu	Ngày lấy mẫu	Tọa độ	
				E	N
1	Mẫu nước thải đầu ra hệ thống xử lý NT của cửa hàng	0611/XD 26/NT	11/6/2024	$108^0$24’’40.1	$15^0$44’’ 24’

- Thông số quan trắc:

Bảng 5.2. Danh mục thông số quan trắc nước mưa nhiễm dầu

TT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	pH,TSS, COD, Dầu mỡ khoáng	QCVN 29:2010/BTNMT(B)

- Tổng số mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu;

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (cột B, áp dụng đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe).

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm công nghệ môi trường tại TP Đà Nẵng; Số Vimcerts: 120;

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

Bảng 5.3. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu nước mưa nhiễm dầu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả 0611/XD 26/NT	Giới hạn cho phép QCVN 29:2010/BTNMT (B)
1	pH	-	7,3	5,5-9
2	TSS	mg/l	32	120
3	COD	mg/l	18,5	150
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	2,1	30

- Phương pháp lấy mẫu, phân tích, tính toán xác định từng thông số và nồng độ cụ thể của các chất ô nhiễm được quy định trong các QCVN hiện hành.

Nhận xét: Qua kết quả phân tích mẫu nước mưa nhiễm dầu tại vị trí sau hệ thống xử lý nước mưa (thải) nhiễm dầu, nhận thấy: Nồng độ các thông số ô nhiễm

có trong mẫu nước mưa (thải) nhiễm dầu đều nằm trong giới hạn cho phép được quy định tại QCVN 29:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (cột B, áp dụng đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe).

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ môi trường không khí.

- Thời gian quan trắc:

+ Ngày lấy mẫu: 11/6/2024

+ Ngày trả kết quả: 25/6/2024

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 5.4. Thống kê vị trí điểm quan trắc nước mưa nhiễm dầu

TT	Tên điểm quan trắc	Kí hiệu	Ngày lấy mẫu	Tọa độ	
				E	N
1	Mẫu không khí tại khu vực cột bơm xăng dầu	0611/XD 26/KK1	11/6/2024	$108^0$21’’40	$15^0$44’’ 24’
2	Mẫu không khí tại khu vực nhà dân gần cửa hàng	0611/XD 26/KK2	11/6/2024	$108^0$39’’7	$15^0$45’’ 24’

- Thông số quan trắc:

Bảng 5.5. Danh mục thông số quan trắc nước mưa nhiễm dầu

TT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	SO_2, CO, NO_2, TSP, Benzen, Toluen, Xylen	QCVN 05:2023/BTNMT

- Tổng số mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu;

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (cột B, áp dụng đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe).

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm công nghệ môi trường tại TP Đà Nẵng; Số Vimcerts: 120;

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

Bảng 5.6. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu không khí

TT	Thông số	Kết quả - Giới hạn cho phép (Trung bình 1h)		
		Năm 2024		QCVN 05:2023/BTNMT
		0611/XD26/ KK1	0611/XD26/ KK2	
1	SO_2(µg/m^3)	55,8	45,0	350
2	CO(µg/m^3)	3.130	<3.000	30.000

3	NO_2(µg/m^3)	39	50,5	200
4	Tổng bụi (µg/m^3)	57	57	300
5	Benzen(µg/m^3)	<8	<8	22
6	Toluen(µg/m^3)	<8	<8	500
7	Xylen (µg/m^3)	<8	<8	1.000

Ghi chú:

- 0611/XD26/KK1: Mẫu không khí xung quanh tại cột bơm xăng dầu.

- 0611/XD26/KK2: Mẫu không khí xung quanh tại khu vực nhà dân gần cửa hàng.

- Ngày lấy mẫu: 11/6/2024;

- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

- Phương pháp lấy mẫu, phân tích, tính toán xác định từng thông số và nồng độ cụ thể của các chất ô nhiễm được quy định trong các QCVN hiện hành.

Nhận xét:

Vào thời điểm thu mẫu, Cửa hàng xăng dầu vẫn hoạt động bình thường. Các nguồn gây ô nhiễm đến môi trường không khí chủ yếu phát sinh từ: Bụi và khí thải do khói thải từ các loại phương tiện cơ giới ra vào cửa hàng; Hơi xăng dầu phát sinh trong quá trình cung cấp nhiên liệu từ cột bơm sang các phương tiện cơ giới và từ công đoạn nạp nhiên liệu từ các xe bồn vào các bể chứa xăng dầu tại cửa hàng;

Qua kết quả phân tích mẫu không khí tại các vị trí giám sát định kỳ năm 2024, nhận thấy: Nồng độ các chất ô nhiễm có trong mẫu không khí nằm trong giới hạn cho phép được quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

CHƯƠNG VI
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

STT	Hạng mục	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	03 tháng, kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.	
2	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất		

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Cơ sở thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Vì vậy, cơ sở phải thực hiện quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

Thời gian và kế hoạch dự kiến lấy mẫu nước thải cho cơ sở được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết thời gian dự kiến quan trắc lấy mẫu trong quá trình vận hành thử nghiệm

STT	Vị trí dự kiến lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Số lượng mẫu cần phân tích
1	Tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt *(theo hệ tọa độ VN: 2000, kinh tuyến trục 107^o 45', múi chiếu 3^o: X (m): 1740873 Y (m): 565337).*	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B, K=1)	03 tháng, kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.	3 ngày liên tục	1 mẫu
2	Tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất *(theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục 107^o 45', múi chiếu 3^o: X (m): 1740871 Y (m): 565341).*	QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B, áp dụng đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe).	03 tháng, kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.	3 ngày liên tục	1 mẫu

***** Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch;

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và điểm a khoản 1 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Hoạt động của cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc môi trường. Do đó, Chủ cơ sở không đề xuất chương trình giám sát môi trường ở chương này.

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 3 năm gần đây, từ năm 2021 đến nay, Petrolimex-Cửa hàng 26 thuộc Công ty TNHH MTV xăng dầu Quảng Nam không có các đợt kiểm tra, thanh tra về công tác bảo vệ môi trường của các cơ quan có thẩm quyền

CHƯƠNG VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH MTV xăng dầu Quảng Nam, chủ đầu tư cơ sở ***"Petrolimex-Cửa hàng 26 "*** với quan điểm phát triển bền vững, thực hiện theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, chúng tôi cam kết:

- Bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong báo cáo đề xuất GPMT này, nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp giảm thiểu đã nêu trong nội dung đề nghị GPMT nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên và xã hội. Đồng thời, chịu sự giám sát về công tác quản lý và bảo vệ môi trường của các cơ quan chức năng trong tất cả các giai đoạn của cơ sở.

- Tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam năm 2020 cũng như các Nghị định, Thông tư, Quyết định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Quảng Nam, UBND huyện Thăng Bình về bảo vệ môi trường và các quy định, quy chế về bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai cơ sở.

- Cam kết thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường để chất lượng môi trường tại cơ sở đáp ứng các QCVN như đã cam kết trong nội dung của báo cáo.

+ Kiểm soát ô nhiễm không khí: Tuân thủ quy chuẩn giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép Bụi tại nơi làm việc và QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

+ Kiểm soát ô nhiễm nước thải nhiễm dầu: Tuân thủ quy chuẩn giới hạn cho phép của QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải kho và cửa hàng xăng dầu, áp dụng đối với cửa hàng không có dịch vụ rửa xe.

+ Kiểm soát ô nhiễm nước thải sinh hoạt: Tuân thủ quy chuẩn giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải sinh hoạt.

+ Kiểm soát ô nhiễm do tiếng ồn: Tuân thủ quy chuẩn giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT; QCVN 24:2016/BYT.

+ Cam kết việc quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo qui định.

+ Cam kết tổ chức giám sát môi trường định kỳ theo đúng chương trình giám sát đã đề ra và đột xuất khi có sự cố, khiếu kiện hoặc có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; đồng thời báo cáo định kỳ bằng văn bản lên các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường có liên quan theo đúng quy định hiện hành.

- Ngoài ra, Chủ cơ sở cũng xin cam kết thực hiện các biện pháp khác như:

+ Cam kết đảm bảo nguồn kinh phí để vận hành, bảo trì các công trình xử lý, bảo vệ môi trường tại cơ sở.

+ Cam kết chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ khi để xảy ra những thiệt hại về môi trường, kinh tế - xã hội do hoạt động của cơ sở gây ra.

+ Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam hiện hành và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh số 4001273085, cấp lần đầu ngày 22/9/2023, được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 861773, với tổng diện tích sử dụng: **2.730,7m^2** tại thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

3. Quyết định số 586/PLX-QĐ-HĐQT về việc tách chuyển Chi nhánh xăng dầu Quảng Nam thành Công ty TNHH MTV xăng dầu Quảng Nam do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ ngày 15/9/2023.

4. Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án đầu tư mở rộng Cửa hàng xăng dầu Hà Lam số 394/GXN-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình ngày 22/5/2017.

5. Quyết định đổi tên Cửa hàng xăng dầu tại Quyết định số 317/PLXQNa-QĐ ngày 25/9/2023 của Công ty TNHH MTV xăng dầu Quảng Nam

6. Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 96/GCNĐĐK-SCT ngày 28/9/2023 của Sở Công Thương cấp.

7. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy chữa cháy số 42.23/TD-PCCC ngày 13/6/2023 của phòng cảnh sát PCCC và CHCN Công an tỉnh Quảng Nam cấp.

8. Biên bản kiểm tra An toàn về phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ được Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Quảng Nam công nhận ngày 12/3/2024.

9. Phương án chữa cháy của cơ sở đã được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Quảng Nam phê duyệt ngày 09/2/2018

10. Giấy phép xây dựng số 30/GPCT do Sở Xây dựng cấp ngày 23/3/2017.

11. Petrolimex-Cửa hàng 26 (trước đây là Petrolimex-Cửa hàng 86) đã được phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại Quyết định số 3921/QĐ-UBND do UBND tỉnh Quảng Nam ngày 31/12/2021.

12. Hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 374/HĐKT/2024-QNA ký ngày 23/5/2024 giữa Công ty TNHH MTV xăng dầu Quảng Nam với Công ty TNHH thương mại và xây dựng An Sinh.

13. Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số 01/HĐKT24 ký ngày 28/12/2023 giữa Công ty TNHH MTV xăng dầu Quảng Nam và Công ty Cổ phần môi trường đô thị Quảng Nam.

14. Hợp đồng Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc số P-24/QNA/NVI/3111/000002 giữa Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Nam với Công ty bảo hiểm PJICO Quảng Nam ký ngày 29/5/2024.

15. Kết quả quan trắc định kỳ tại cơ sở;

16. Bản vẽ của cơ sở;